

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VL  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2022/DS-ST  
Ngày: 12 - 9 - 2022  
V/v tranh chấp hợp đồng  
tín dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VL, TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Phan Công Trí**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Hoài Tân**.

2. Bà **Trần Thị Phương Anh**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Huỳnh Ngọc Nhiều**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà **Trịnh Thị Mỹ Tiên**, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2022/QĐXX-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Việt Nam TV**.

Trụ sở: Số 89, đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên lạc: Tầng 1, Tòa nhà ACM, Số 96, đường Cao Thắng, Phường 4, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D** – Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ Thành Tr** – Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ Pháp lý, VPBank Hội sở. Người được ủy quyền lại: Ông **Phạm Văn T** – Chuyên viên xử lý nợ (văn bản ủy quyền ngày 23/02/2022). SĐT: 098.566.4546 (có mặt).

2. Đồng Bị đơn:

2.1. Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1977 (vắng mặt).

2.2. Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Xẻo Chích, thị trấn Châu Hưng, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 11 năm 2021 và lời khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Việt Nam TV là nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 18/01/2017, giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam TV (gọi tắt là Ngân hàng) và anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị C ký kết hợp đồng tín dụng số LN1701050011779/CLN/HĐTD, theo đó, anh B, chị C vay số tiền 143.000.000 đồng, mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô thùng mui Changan; thời hạn vay 72 tháng (18/01/2017 đến 18/01/2023); lãi suất tại thời điểm vay 9%/năm cố định trong 12 tháng kể từ ngày nhận nợ, mức lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Đến ngày 18/4/2018, anh B, chị C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, dù được ngân hàng nhắc nhở nhiều lần. Tính đến ngày 12/9/2022, anh B, chị C còn nợ Ngân hàng số tiền 213.658.940 đồng, trong đó nợ gốc 113.195.000 đồng, nợ lãi 100.463.940 đồng.

Để đảm bảo các khoản vay trên, anh B, chị C và Ngân hàng đã ký kết hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1701050011779/CLN/HĐTCSP ngày 18/01/2017 đối với xe ô tô tải, nhãn hiệu CHANGAN, số loại SC1022DBN-1/MB, số khung RPMTN2F3CGN000852, số máy JL465QBG5BAK000122, biển số kiểm soát 94C-031.74 do chị Nguyễn Thị C đứng giấy đăng ký xe ngày 13/01/2017. Nếu anh B, chị C không trả được nợ, Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị C. Nhưng anh B, chị C vắng mặt không có lý do, không gửi bất kỳ chứng cứ, ý kiến cho Tòa án.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Tòa án thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 68, Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đồng bị đơn là anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị C chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị C về yêu cầu trả lại số tiền nợ gốc, lãi và lãi suất phát sinh tiếp theo theo các hợp đồng tín dụng đã ký. Trong trường hợp không trả được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp.

Anh B, chị C phải chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng khởi kiện anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị C yêu cầu thanh toán tiền vay còn lại, là tranh chấp về Hợp đồng theo quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; thời điểm khởi kiện, anh B, chị C cư trú tại ấp Xẻo Chích, thị trấn Châu Hưng, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị C đã bỏ địa phương đi nơi khác mà không thông báo địa chỉ mới cho Ngân hàng. Chị Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Văn B có đăng ký thường trú tại ấp Xẻo Chích, thị trấn Châu Hưng, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. Do đó, đủ căn

cứ xác định chị C, anh B che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với Ngân hàng, nên Tòa án vẫn tiến hành thụ lý, giải quyết theo quy định tại đoạn 2 điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị C đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B, chị C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Về thời hiệu khởi kiện: Anh B và chị C vi phạm quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng từ ngày 18/4/2018 (bút lục 65), tính đến ngày nộp đơn khởi kiện (ngày 08/12/2021, qua đường bưu chính) (bút lục 01) là hơn 03 năm. Tuy nhiên, giữa Ngân hàng với anh B, chị C có thỏa thuận việc thu hồi nợ trước hạn tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Hợp đồng tín dụng ngày 18/01/2017 là quyền của Ngân hàng, Ngân hàng có quyền lựa chọn thời điểm thích hợp để thu hồi nợ trước hạn. Vì đến ngày khởi kiện vẫn chưa kết thúc hợp đồng tín dụng, hơn nữa anh B, chị C vắng mặt, không có yêu cầu áp dụng thời hiệu. Căn cứ khoản 2 Điều 149, Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015, vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Về nội dung:

[3.1] Ngân hàng và anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị C ký kết hợp đồng tín dụng số LN1701050011779/CLN/HĐTD vay số tiền 143.000.000 đồng; anh B, chị C đã nhận đủ số tiền vay theo Khế ước nhận nợ ngày 18/01/2017 là có thật, được Ngân hàng cung cấp Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ (bút lục 17-21).

[3.2] Mặc dù, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh, chị đúng theo quy định pháp luật, nhưng chị C, anh B vắng mặt, không gửi bất kỳ chứng cứ hoặc thể hiện ý kiến của anh, chị đối với yêu cầu của Ngân hàng. Điều này cho thấy chị C, anh B đã từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của anh, chị, mọi hậu quả pháp lý bất lợi anh, chị phải tự gánh chịu theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 70 và khoản 1 Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.3] Xét thấy các hợp đồng tín dụng đã được ký kết đúng theo quy định pháp luật. Nay Ngân hàng yêu cầu anh B, chị C có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số nợ còn thiếu tính đến ngày 12/9/2022 là 213.658.940 đồng, trong đó nợ gốc 113.195.000 đồng, nợ lãi 100.463.940 đồng, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng, nên được chấp nhận.

[4] Kể từ ngày tiếp theo (ngày 13/9/2022) anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị C phải thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị C phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

[5] Trong trường hợp anh B, chị C không trả được nợ thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô tải, nhãn hiệu CHANGAN, số SC1022DBN-1/MB, số khung

RPMTN2F3CGN00852, số máy JL465QBG5BAK000122, biển số kiểm soát 94C-031.74 do chị Nguyễn Thị C đứng giấy đăng ký xe ngày 13/01/2017 để thu hồi nợ.

[5.1] Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị C đúng theo quy định pháp luật, yêu cầu anh B, chị C mang xe ô tô đã thế chấp đến địa điểm tại Tòa án nhân dân huyện VL để Tòa án xem xét, thẩm định tài sản, nhưng anh B, chị C đã vắng mặt, không mang xe ô tô đến. Do anh B, chị C đã từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, Tòa án căn cứ vào các chứng cứ khác để giải quyết vụ án, mọi hậu quả pháp lý bất lợi anh B, chị C phải tự gánh chịu theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 70, khoản 1 Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Dựa trên giấy Chứng nhận đăng ký xe, Tòa án đã tiến hành việc xem xét, thẩm định xe ô tô (bút lục 133-134).

[5.2] Tại Công văn số 213/CAT-PCSGTĐB ngày 16/6/2022 của Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an tỉnh Bạc Liêu cung cấp thông tin: Xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu CHANGAN, số loại SC1022DBN-1/MB, số khung RPMTN2F3CGN000852, số máy JL465QBG5BAK000122, biển số kiểm soát 94C-031.74 do bà Nguyễn Thị C đứng tên chủ xe, đăng ký lần đầu. Từ lúc đăng ký đến nay, bà Nguyễn Thị C chưa làm thủ tục sang tên chuyển quyền sở hữu cho người nào khác (có phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ kèm theo) (bút lục 161-162).

[5.3] Từ sự phân tích trên, xác định xe mang biển số kiểm soát 94C-031.74 là tài sản của anh B, chị C. Anh B, chị C đã thế chấp tài sản này để đảm bảo khoản vay, trong trường hợp anh B, chị C không thanh toán nợ đầy đủ cho Ngân hàng, Ngân hàng được quyền phát mãi để thu hồi nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 299, Điều 317, khoản 6 Điều 320, khoản 5, khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 600.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận, nên anh B, chị C phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định. Ngân hàng đã tạm nộp và chi xong, anh B và chị C có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 600.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[7.1] Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với anh B, chị C được chấp nhận toàn bộ, nên anh B, chị C phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền có trách nhiệm thanh toán  $213.658.940 \text{ đồng} \times 5\% = 10.682.947 \text{ đồng}$  theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7.2] Ngân hàng không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, đã dự nộp tạm ứng án phí 4.900.944 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000818 ngày 21/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL, tỉnh Bạc Liêu nên được hoàn

lại theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Như đã phân tích, có căn cứ chấp nhận toàn bộ lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3, khoản 5 Điều 70 và khoản 1 Điều 72, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, đoạn 2 điểm e khoản 1 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 149, Điều 429, Điều 463, khoản 1 Điều 468, khoản 1 Điều 299, Điều 317, khoản 6 Điều 320, khoản 5, khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam TV đối với anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị C về yêu cầu thanh toán tiền vay còn nợ, phát mãi tài sản thế chấp.

Buộc anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị C có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV số tiền vay còn nợ 213.658.940 đồng (Hai trăm mười ba triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn chín trăm bốn mươi đồng), trong đó nợ gốc 113.195.000 đồng (Một trăm mười ba triệu một trăm chín mươi lăm ngàn đồng), nợ lãi 100.463.940 đồng (Một trăm triệu bốn trăm sáu mươi ba ngàn chín trăm bốn mươi đồng).

**2.** Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/9/2022) anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị C phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam TV tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị C phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

**3.** Trường hợp anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị C không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN1701050011779/CLN/HĐTCSP ngày 18/01/2017 đối với xe ô tô tải, nhãn hiệu CHANGAN, số loại SC1022DBN-1/MB, số khung RPMTN2F3CGN000852, số máy JL465QBG5BAK000122, biển số kiểm soát 94C-031.74 do chị Nguyễn Thị C đứng giấy đăng ký xe ngày 13/01/2017.

**4.** Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị C phải chịu 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng). Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV đã tạm nộp và chi

xong 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng). Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị C phải hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng).

**5.** Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**6. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

6.1. Anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị C phải chịu số tiền 10.682.947 đồng (Mười triệu sáu trăm tám mươi hai ngàn chín trăm bốn mươi bảy đồng) án phí có giá ngạch; nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

6.2. Ngân hàng TMCP Việt Nam TV được hoàn lại 4.900.944 đồng (Bốn triệu chín trăm ngàn chín trăm bốn mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000818 ngày 21/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL.

**7.** Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**8.** Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/9/2022). Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện VL, tỉnh Bạc Liêu;
- CCTHADS huyện VL, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã ký)

**Lê Phan Công Trí**